TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 12 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công
2. Bà Lê Thị Nguyệt

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày ngày 30 tháng 11 năm 2022; ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 463/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị P, sinh năm 1970; địa chỉ: 22/1, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh B; tạm trú: 5/2 khu phố B, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Diễm H thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương làm việc tại Văn phòng Luật sư Diễm Hương, có mặt.

Bị đơn: Ông Vương Minh P, sinh năm 1971; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 5/2, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vương Kim T; sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 5/2, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt.

- Ông Vương Văn Sơn, sinh năm 1960; trú tại: 5/2 khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Ông Vương Văn Thành, sinh năm 1968; trú tại: 79/89A, ấp 2, xã Nhị Bình, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- Bà Vương Thị Cẩm Nhung, sinh năm 1957, trú tại: Khu phố 1, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên nguyên đơn – bà Hồ Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông P tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình chấp thuận và chung sống với nhau năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, cho đến ngày 17 tháng 9 năm 2012 bà P và ông P mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao, thành phố Thuận An theo giấy chứng nhận kết hôn số 83/2012, quyển số 01/2012 ngày 17/9/2012, lý do đăng ký kết hôn trễ là do bà P không hiểu biết về pháp luật. Trong quá trình chung sống thì ông bà sinh được hai người con là Vương Kim Thảo, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1992 và Vương Kim Hóa, sinh ngay tháng 02 năm 1995. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ năm 1990 đến năm 2002 vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột bà P tại phường Bình Hòa, từ năm 2002 vợ chồng chuyển về sống cùng cha mẹ chồng trên thửa đất đang tranh chấp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng 10 năm gần đây bà P và ông P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống tính tình không hợp nhau. Ông P sống ích kỷ chỉ vun vén cho bản thân mình, không chia sẻ khó khăn kinh tế cùng với bà P. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, bà P yêu cầu được ly hôn.

Về tài sản chung: Bà P xác định tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 02 căn nhà cấp 04 được đánh số thứ tự 01 và 03 theo bản vẽ của Tòa án thu thập trên thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An. Nguồn gốc đất của ông Vương Nhỏ và bà Nguyễn Thị Hoa là cha mẹ ruột của ông P để lại. Năm 2000 khi vợ chồng chuyển từ bên ngoại về sống cùng cha mẹ chồng thì bà P có đem số tiền khoảng 430.000.000 đồng có được do bán đất của cha mẹ ruột để xây dựng cuộc sống gia đình với ông P. Cụ thể: Bà P nhận chuyển nhượng của bà Vương Thị Cẩm Nhung diện tích đất 300m^2 giá nhận chuyển nhượng 20.000.000 đồng theo "Giấy sang nhượng quyền sử dụng đất" ngày 01/12/2002, bà P đã giao cho bà Nhung 16.000.000 đồng, số tiền còn lại các bên không tranh chấp; bà P nhận chuyển nhượng đất của ông Vương Kim Thành (tức là Vương Văn Thành) 500m^2 số tiền 40.000.000 đồng, bà P đã giao cho ông Thành 27.000.000 đồng, số tiền còn lại không ai tranh chấp do anh em trong gia đình tin tưởng nên không lập văn bản gì. Vị trí đất bà P nhận chuyển nhượng

của bà Nhung là căn nhà đánh số 01, diện tích đất bà P nhận chuyển nhượng của ông Thành ngay sát bờ kênh theo sơ đồ bản vẽ do Tòa án thu thập.

Lý do bà P nhận chuyển nhượng đất của ông Thành và bà Nhung vì đây là anh chị ruột của ông P, khi ông Vương Nhỏ và bà Nguyễn Thị Hoa còn sống có chia đất cho các con. Do ông Thành và bà Nhung không có nhu cầu sử dụng nên đã chuyển nhượng lại phần đất được chia cho bà P. Hơn nữa thời điểm này bà P bán đất bên ngoại mục đích để xây dựng cuộc sống ổn định bên nhà chồng. Bà P xác định toàn bộ số tiền bà P nhận chuyển nhượng là tiền riêng của bà P đóng góp để xây dựng cuộc sống gia đình.

Ngoài ra vào ngày 17 tháng 8 năm 2002 giữa bà P và ông Vương Nhỏ có lập "Biên nhận mua bán đất", theo nội dung biên nhận mua bán đất này thì ông Vương Nhỏ và bà Nguyễn Thị Hoa chuyển nhượng cho bà P diện tích đất 250m^2 với số tiền là 17.000.000 đồng, chính là diện tích đất ký hiệu B của bà Nguyễn Thị Hoa theo kết quả đo vẽ ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Số tiền nhận chuyển nhượng đất bà P giao cho ông Vương Kim Thành tức là Vương Văn Thành.

Như vậy tổng diện tích thực tế bà P nhận chuyển nhượng từ gia đình nhà chồng là 1050m^2 nhưng bà P chỉ yêu cầu được chia 800m^2 (ông Thành 500m^2, bà Nhung là 300m^2) diện tích đất bà nhận chuyển nhượng của 02 người này. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng bà P không yêu cầu chia diện tích đất ông Vương Nhỏ, bà Nguyễn Thị Hoa đã bán cho bà P vì diện tích đất này hiện nay đang đứng tên kê khai bà Hoa và nằm ngoài thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An cấp cho ông P. Trường hợp sau này có tranh chấp bà P giải quyết bằng một vụ án khác.

Ngày 17 tháng 12 năm 2012 bà Nguyễn Thị Hoa, ông Vương Văn Sơn có tặng cho lại cho ông Vương Minh P toàn bộ thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An. Bà P xác định lý do ông P được đứng tên quyền sử dụng đất là do bà P đã nhận chuyển nhượng phần đất ông Thành, bà Nhung được chia trước đây nếu bà Nhung và ông Thành chưa được chia đất thì không có việc ông P được một mình đứng tên quyền sử dụng đất. Vì khi ông Nhỏ, bà Hoa còn sống thì ông bà chỉ có duy nhất là quyền sử dụng đất này nên việc bà Hoa tặng cho duy nhất cho ông P chỉ là hình thức hợp thức hóa tài sản chung của vợ chồng bà P.

Bà P xác định không tranh chấp với bà Vương Thị Cẩm Nhung và ông Vương Văn Thành đối với các "biên nhận mua bán đất ngày 16/8/2002" và "Giấy sang nhượng quyền sử dụng đất" ngày 01/12/2002, bà P xác định đây là chứng cứ xác định toàn bộ thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An là tài sản chung của bà P và ông P.

Bà P xác định hai căn nhà bà P và ông P đang ở là nhà do các ông bà tạo lập trong quá trình chung sống. Còn căn nhà số 02 và số 04 là nhà của ông Vương Văn Sơn và bà Hoa, ông Nhỏ không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Theo đơn khởi kiện bà P yêu cầu được ly hôn với ông P, con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản yêu cầu được chia 1000m^2 và 01 căn nhà đang ở.

Tại phiên tòa và trong quá trình bà P thay đổi yêu cầu khởi kiện về tài sản chung yêu cầu được nhận hiện vật là 800m^2 thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An; chia đôi căn nhà vị trí số 01 theo sơ đồ bản vẽ của Tòa án, tự nguyện giao căn nhà số 02 cho ông P. Các yêu cầu khác giữ nguyên.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp có: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản chứng thực); Giấy đăng ký kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh (bản pho to cop py); Biên nhận mua bán đất (bản chính); Giấy sang nhượng quyền sử dụng đất (bản chính)...

Quá trình tố tụng bị đơn – ông Vương Minh P trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà P về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Do mâu thuân vợ chồng đã trầm trọng, ông P thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà P. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông P cho rằng toàn bộ thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An là tài sản riêng của ông P do bà Hoa và ông Sơn tặng cho riêng ông P. Ông P không biết gì đối với "Biên nhận mua bán đất ngày 16/8/2002" và "Giấy sang nhượng quyền sử dụng đất" ngày 01/12/2002. Tuy nhiên ông P xác định có việc bà P nhận chuyển nhượng của bà Nhung căn nhà bà P đang ở, số tiền bà P giao cho ông Thành là tiền vay mượn không phải là tiền mua bán đất.

Trong quá trình tố tụng ông P tự nguyện cho bà P 200m^2 đất và căn nhà số bà P đang ở vì tình nghĩa vợ chồng hơn nữa bà P cũng có công sức đóng góp xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi con. Ông P thống nhất một phần lời trình bày của bà P năm 2000 bà P có mang số tiền 300.000.000 đồng bên ngoại được bồi thường đất đóng góp xây dựng cuộc sống vợ chồng như nuôi con, lo chi phí gia đình.... Tiền mua nhà của bà Nhung 20.000.000 đồng và tiền cho ông Thành mượn 17.000.000 đồng là tiền riêng của bà P lấy từ bên ngoại về lo cho gia đình, ngoài ra thời điểm lúc đó bà P còn cho ông P 5.000.000 đồng để tiêu xài. Ông P xác định hai căn nhà bà P và ông P đang ở là nhà do các ông bà tạo lập trong quá trình chung sống. Còn căn nhà số 02 và số 04 là nhà của ông Vương Văn Sơn và bà Hoa, ông Nhỏ không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa ông P tự nguyện chia cho bà P 300m^2 yêu cầu cho bằng hiện vật. Ông P yêu cầu chia đôi căn nhà số 01 bà P đang ở, ông P yêu cầu nhận giá

trị. Đối với căn nhà số 02 ông P đang ở thì ông P yêu cầu được nhận căn nhà này.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Vương Văn Thành trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An của ông bà nội ông Thành để lại cho cha mẹ ông là ông Vương Nhỏ và bà Nguyễn Thị Hoa. Khi ông Vương Nhỏ và bà Nguyễn Thị Hoa còn sống thì có chia đất cho ông Thành 500m^2 đất thuộc một phần thửa đất bà P và ông P đang tranh chấp. Nhưng do ông Thành ra sống riêng tại huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên ông Thành có chuyển nhượng lại cho bà Hồ Thị P diện tích 500^2, giá chuyển nhượng là 40.000.000 đồng, bà P mới giao cho ông Thành được 27.000.000 đồng, do anh em gia đình nên giao dịch chỉ bằng lời nói không bằng văn gì. Ông Thành xác định không tranh chấp đối với số tiền còn lại 13.000.000 đồng còn lại, số tiền bà P giao cho ông Thành là tiền riêng của bà P nhận bồi thường đất phía bên ngoại. Hiện nay toàn bộ thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An đã được tặng cho ông Vương Minh P, ông Thành đề nghị tòa án bảo vệ quyền lợi cho bà P vì bà P có đóng góp trong khối tài sản được cấp cho ông P vì việc bà Hoa, ông Nhỏ đã chia đất cho các con và bà P đã mua lại phần đất các anh chị em và bỏ tiền riêng là có thật. Do ông Thành bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Vương Thị Cẩm Nhung trình bày:

Bà Nhung là chị gái ruột của ông Vương Minh P về nguồn gốc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương do cha mẹ ông Vương Nhỏ và bà Nguyễn Thị Hoa để lại. Vào năm 1987 cha mẹ có chia cho bà 300m^2 thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An. Tuy nhiên do không có nhu cầu ở nên bà Nhung đã chuyển nhượng lại cho bà Hồ Kim Phụng tức là Hồ Thị P diện tích 300m^2, giá chuyển nhượng là 20.000.000 đồng, bà P chỉ mới thanh toán 16.000.000 đồng. Số tiền còn lại 4.000.000 đồng thì bà P chưa thanh toán nhưng bà Nhung không yêu cầu bà P thanh toán số tiền này và không tranh chấp đối với giao dịch này. Bà Nhung cho rằng lý do bà Hoa tặng cho quyền sử dụng đất cho ông P vì khi còn sống cha mẹ đã chia đất rõ ràng cho các con nên anh em không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi cho bà P vì việc bà P mua lại đất của các anh chị em là có thật. Do bà Nhung bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Vương Văn Sơn trình bày:

Ông Sơn là anh ruột của ông Vương Minh P, nguồn gốc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An là của ông Vương Nhỏ và bà Nguyễn Thị Hoa để lại. Khi cha mẹ ông còn sống có chia đất cho các con, riêng ông Sơn được chia thì chưa bán cho ai. Riêng bà Vương Thị Cẩm Nhung và ông Văn Văn Thành đã được chia đất nhưng đã bán cho bà Hồ Thị P. Ông Sơn có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi thỏa đáng cho bà P. Do ông Sơn bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – Luật sư Nguyễn Thị Diễm Hương trình bày:

Về quan hệ hôn nhân bà Hồ Thị P và ông Vương Minh P tự nguyện sống chung vào năm 1990. Hai ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân phường Thuận Giao vào ngày 17/09/2012 (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 83/2012) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2016 đến nay giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến ly thân và mỗi người ở một nhà riêng, sinh hoạt riêng. Tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn. Vì vậy bà P có yêu cầu xin ly hôn với ông Vương Minh P. Ông Vương Minh P xác định vợ chồng không còn tình cảm nên trước yêu cầu của bà P thì ông P đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa bà P và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà Hồ Thị P và ông Vương Minh P thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung hai ông bà có 02 con chung tên Vương Kim Thảo (sinh năm 1993) và Vương Kim Hòa (sinh năm 1995) đều đã thành niên nên vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng không đặt ra.

Tài sản chung bao gồm quyền sử dụng đất có diện tích đo thực tế 2.354,1m^2, thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1), tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02423/TG do UBND thị xã Thuận An cấp ngày 22/03/2013. Và tài sản gắn liền với đất có 02 căn nhà cấp 4. Trong đó, ông Vương Minh P đang quản lý sử dụng 01 căn nhà được xây dựng vào năm 2012. Diện tích nhà 39,9m^2 (kí hiệu nhà số 3 sơ đồ bản vẽ), cấu trúc : mái tôn, vách tường xây, nền gạch men. Bà Hồ Thị P đang quản lý sử dụng 01 căn nhà được cải tạo sửa chữa vào năm 2003. Diện tích nhà 49,1m^2 (kí hiệu nhà số 1 sơ đồ bản vẽ), cấu trúc: mái tôn, vách tường, nền gạch bông.

Bà P yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng đất diện tích thực tế 2.354,1m^2 và tài sản gắn liền với đất là 02 ngôi nhà cấp 4 nêu trên. Do nhu cầu về chỗ ở, bà P yêu cầu nhận tài sản bằng hiện vật là diện tích đất 800m^2/2.354,1m^2, yêu cầu chia đôi 01 ngôi nhà diện tích 49,1m^2 (kí hiệu nhà số 1 sơ đồ bản vẽ). Đồng ý giao căn nhà ông P đang ở cho ông P quản lý, sử dung.

Yêu cầu chia tài sản chung của bà P như trên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Bởi các lẽ sau bà P có công sức đóng góp trong khối tài sản

chung này. Bà Hồ Thị P là người không biết đọc, không biết viết. Vợ chồng bà P sống chung từ năm 1990 tính đến nay 2022 được 32 năm. Thời điểm năm 2002 cuộc sống tình cảm vợ chồng đầm ấm, vợ chồng tin tưởng nhau. Trong năm 2002 bà P có chuyển nhượng nhà và đất được cha mẹ chia cho tại Đồng An, Bình Hòa và mang tiền bên ngoại về nhận sang nhượng lại đất của gia đình bên chồng là cha chồng ông Vương Nhỏ, chị chồng bà Vương Thị Cẩm Nhung và anh chồng Vương Văn Thành. Và kể từ năm 2002 vợ chồng bà từ Bình Hòa chuyển về Thuận Giao cất nhà ở và sinh sống ổn định tại đây cho đến nay. Tại phiên tòa, ông P thừa nhận có việc bà P sang nhượng nhà đất ở Đồng An, Bình Hòa mang số tiền 300.000.000 đồng từ bên ngoại về Thuận Giao và sinh sống ổn định tại đây từ năm 2002 cho đến nay. Ngoài ra tại các Biên bản lấy lời khai của đương sự (số Bút lục 25, 26, 28, 29, 30, 31) ông Vương Văn Sơn, ông Vương Văn Thành, bà Vương Thị Cẩm Nhung đều trình bày và xác nhận rằng cha mẹ của các ông bà là ông Vương Nhỏ, bà Nguyễn Thị Hoa có tất cả 04 người con và tài sản gia đình chỉ có một phần đất. Năm 1997 ông Nhỏ bà Hoa thỏa thuận miệng chia đất cho các con, trong đó có ông Vương Văn Thành (nhận 500m^2) và bà Vương Thị Cẩm Nhung (nhận 300m^2). Do ông Vương Văn Thành và bà Vương Thị Cẩm Nhung đã ra riêng nên thỏa thuận sang nhượng phần đất lại cho em dâu là bà Hồ Thị P tức Hồ Kim Phụng. Ngoài ra ông Vương Nhỏ có sang nhượng cho bà P diện tích đất là 250m^2 tuy nhiên phần đất này tọa lạc ngoài thửa đất đang tranh chấp nên bà P không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Việc sang nhượng đất có làm giấy mua bán viết tay ngày 17/08/2002 và ngày 01/12/2002. Tổng diện tích đất bà P nhận sang nhượng từ cha mẹ chồng và anh chị chồng là 1.050m^2 và số tiền nhận sang nhượng đất là tiền riêng của bà P mang từ bên ngoại về. Từ việc bà P đã trả tiền nhận sang nhượng đất cho vợ chồng ông Nhỏ và các con ông Nhỏ nên năm 2012 bà Hoa chuyển giao quyền sử dụng đất cho ông P đứng tên, được hợp thức hóa cấp giấy chứng nhận QSD đất. Do vậy lời trình bày của ông P cho rằng quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông là không phù hợp.

Trên cơ sở xem xét, đánh giá các tài liệu chứng cứ, thực tế khách quan, từ đề nghị xem xét công sức đóng góp cho bà P của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Thấy rằng việc bà Hồ Thị P yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 33, 38, 39, 59 và Điều 62 Luật HN và GĐ năm 2014. Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị P và ông Vương Minh P.

Về con chung: Vương Kim Thảo, sinh năm 1993 và Vương Kim Hòa, sinh năm 1995 đều đã thành niên nên vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung : Chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị P, chia cho bà P diện tích đất 800m^2 và 01/02 căn nhà cấp 4 diện tích 49,1m^2 (kí hiệu nhà số 1 sơ đồ bản vẽ).

Kiến nghị UBND Tp Thuận An điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp cho ông Vương Minh P và bà Hồ Thị P.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Tất cả các đương sự đều chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bà Vương Kim Thảo không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy: Nguồn gốc diện tích đo thực tế 2.354,1m^2, thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1), tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02423/TG do UBND thị xã Thuận An cấp ngày 22/03/2013 được bà Nguyễn Thị Hoa và ông Vương Văn Sơn tặng cho ông Vương Minh P, tuy nhiên bà P và ông P chung sống với nhau trên 30 năm, bà P có công sức đóng góp rất lớn trong việc tạo dựng tài sản gia đình. Ông P tự nguyện cho bà P 300m2 và bà P đồng ý giao lại căn nhà cấp 04 vị trí số 3 theo sơ đồ bản vẽ cho ông P nên cần ghi nhận sự tự nguyện này. Bà P yêu cầu được chia 800m^2 và yêu cầu chia đôi căn nhà đang ở nên cần chấp nhận yêu cầu này của bà P.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà P khởi kiện ông P tranh chấp ly hôn, tranh chấp tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn". Ông P hiện đang cư trú tại phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Thảo theo đúng quy định tại các tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Vương Kim Thảo không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của bà Thảo trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Cẩm Nhung, ông Vương Văn Thành và ông Vương Văn Sơn đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà có tên trên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng Tòa án tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Ngọc Hương, tuy nhiên bà Hương không sinh sống trên diện tích đất bà P và ông P tranh chấp nên Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà P tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, các đương sự thống nhất vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau và các đương sự thống nhất được ly hôn. Từ đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông P mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa các bên.

[2.2] Về con chung: Xét thấy các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung:

[2.4.1] Các đương sự thống nhất xác định tài sản tranh chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, diện tích đo đạc thực tế 2354,1m^2, trong đó đất thổ cư không xác định 120m^2 còn lại là đất lâu năm và 02 căn nhà cấp 04 đánh số 01 và 03 theo sơ đồ bản vẽ ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án thu thập. Thống nhất căn nhà số 01 bà P đang ở, căn nhà số 03 ông P đang ở, đây là các tài sản ông bà tạo lập trong thời kỳ hôn nhân.

Các đương sự thống nhất kết quả đo đạc định giá như sau: Đất thổ cư 10.000.000 đồng/01m^2 giá trị 1.200.000.000 đồng trị giá 1.200.000.000 đồng; đất nông nghiệp 8.000.000 đồng/01m^2 giá trị 17.872.800.000 đồng; nhà số 01 giá 75.614.000 đồng; nhà số 03 giá trị 68.827.500 đồng. Tổng giá trị tranh chấp 19.217.241.500 đồng.

Ông Vương Minh P tự nguyện chia cho bà P diện tích đất 300m^2 thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An; bà P đồng ý giao cho ông P được quản lý, sử dụng căn nhà số 03 theo sơ đồ bản vẽ ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án thu thập, xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông P và bà P thống nhất căn nhà số 02 và số 04 theo sơ đồ bản vẽ ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án thu thập không phải do ông P và bà P xây dựng nên không tranh chấp.

[2.4.2] Xét yêu cầu của bà P yêu cầu được nhận 800m^2 đất thuộc thửa số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, bà P và chia đôi căn nhà số vị trí số 01 theo sơ đồ bản vẽ ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Tòa án.

Xét về nguồn gốc đất, các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất là của cha mẹ ông P là ông Vương Nhỏ và bà Nguyễn Thị Hoa để lại. Ngày 17/12/2012 bà Hoa và ông Sơn đã tặng cho riêng quyền sử dụng đất này cho ông Vương Minh P, việc tặng cho là hợp pháp và hợp đồng tặng cho đã phát sinh hiệu lực. Có căn cứ xác định đây là tài sản riêng của ông P trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét đánh giá toàn bộ chứng cứ thu thập và quá trình chung sống trên 30 năm của vợ chồng để đảm bảo quyền lợi cho bà P với lẽ sau:

Tại phiên tòa ông P thừa nhận từ năm 1990 đến năm 2002 vợ chồng sống cùng cha mẹ ruột bà P tại phường Bình Hòa, vào khoảng năm 2002 hai vợ chồng chuyển về sống cùng cha mẹ chồng tại địa chỉ hiện nay, lúc này bà P có mang số tiền khoảng 300.000.000 đồng của cha mẹ bà P cho để cùng chồng xây dựng cuộc sống gia đình bên chồng. Xét thấy số tiền bà P đóng góp để xây dựng cuộc sống gia đình vào thời điểm này là không nhỏ. Ông P thừa nhận bà P có đã sử dụng 20.000.000 đồng tiền riêng của mình để mua lại căn nhà của bà Vương Thị Cẩm Nhung và cho ông Thành vay số tiền 17.000.000 đồng. Chính sự thừa nhận này của ông P cũng đủ chứng minh bà P là người có công sức đóng góp rất lớn trong khối tài sản của ông P.

Ngoài ra trong quá trình tố tụng thì bà P có giao nộp 02 bản chính "Biên nhận mua bán đất" ngày 16/8/2002 và "Giấy sang nhượng quyền sử dụng đất" ngày 01/12/2002. Các đương sự thừa nhận tên của bà Hồ Thị P trước đây là Hồ Kim Phụng, ông Vương Văn Thành hay còn gọi là Vương Kim Thành, Vương Văn Sơn hay còn gọi Vương Kim Sơn trong các tài liệu nêu trên chính là anh chị em ruột trong gia đình ông P. Xét thấy "Biên nhận mua bán đất" ngày 16/8/2002 và "Giấy sang nhượng quyền sử dụng đất" ngày 01/12/2002 giữa bà P với ông Thành, bà Nhung, ông Vương Nhỏ, bà Nguyễn Thị Hoa và ông Sơn là vô hiệu về hình thức và nội dung. Tuy nhiên các tài liệu này được xem là chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bà P là có căn cứ và phù hợp lời khai của anh chị ruột của ông P có việc bà P đã nhận chuyển nhượng 800m^2 của gia đình ông P là có thật. Xét thấy lời khai của ông Thành, bà Nhung và ông Sơn là chứng cứ cho yêu cầu của bà P, bởi lẽ những người này là anh chị ruột của ông P, các ông bà đều yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi thỏa đáng cho bà P. Cho nên việc ông P được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất duy nhất nhưng các anh em trong gia đình không phản đối xuất phát từ nguyên nhân là các anh em đã được chia đất nhưng đã chuyển nhượng lại cho bà P. Nên việc ông P được tặng cho quyền sử dụng đất chỉ là hình thức hợp thức hóa tài sản này.

[2.4.3] Ông P cho rằng không biết "Biên nhận mua bán đất" ngày 16/8/2002 và "Giấy sang nhượng quyền sử dụng đất" ngày 01/12/2002 mà bà P xuất trình. Tại phiên tòa bà P cũng thừa nhận do bà P mua bằng tiền riêng của mình nên ông P không tham gia vào các giao dịch này là phù hợp.

[2.4.4] Xét đối với yêu cầu của bà P được nhận ½ giá trị căn nhà cấp 04 đang ở, xét thấy đây là tài sản chung của ông P và bà P nên cần chia đôi giá trị căn nhà này là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, bà P được nhận ½ là 37.807.000 đồng.

[2.4.5] Xét đối với yêu cầu của ông P được nhận căn nhà đang ở, bà P tự nguyện giao lại căn nhà này cho ông P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4.6] Căn cứ Điều 59 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét thấy bà P và ông P chung sống với nhau liên tục từ năm 1990 đến nay, trong quá trình chung sống thì bà P có công sức đóng góp rất lớn vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản do đó khi tính công sức đóng góp cho bà P phải hợp tình, hợp lý bảo vệ quyền lợi người phụ nữ. Như đã phân tích nêu trên Hội đồng xét xử cần chia công sức đóng góp cho bà P là 33,9% trong khối tài sản, tương đương 800m^2. Bà P yêu cầu được nhận hiện vật tuy nhiên theo quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2017 và quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định về điều kiện tách thửa trên địa bàn tỉnh Bình Dương thì diện tích đất của bà P không đảm bảo yêu cầu về tách thửa vì vậy cần giao giá trị quyền sử dụng đất được chia cho bà P 800m 2 x 8.000.000 đồng = 6.400.000.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị tài sản bà P được nhận là 6.437.807.000 đồng.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định: Bà P tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí trên phần giá trị được nhận 6.437.807.000 đồng và bị đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm trên phần giá trị được nhận 12.779.434.500 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Căn cứ các Điều 55, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị P về việc "Ly hôn, tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn" với ông Vương Minh P.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của bà Hồ Thị P và ông Vương Minh P về việc thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ Ông Vương Minh P được trọn quyền sử dụng thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương do ủy ban nhân dân thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 22 tháng 3 năm 2013 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BL 878937, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH0 2423/TG cho ông Vương Minh P (Có sơ đồ bản vẽ thửa đất kèm theo bản án).

+ Ông Vương Minh P được quyền quản lý, sử dụng 02 căn cấp 04 kết cấu mái tôn, vách tường, nền gạch bông gắn liền với thửa đất số 39, tờ bản đồ số 193 (D1) tọa lạc tại khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Ký hiệu 01 và 03 kèm theo sơ đồ bản vẽ).

+ Buộc ông Vương Minh P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hồ Thị P số tiền 6.437.807.000 đồng (Sáu tỷ, bốn trăm ba mươi bảy ngàn, tám trăm lẻ bảy đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định do bà Hồ Thị P tự nguyện chịu, bà P đã thực hiện xong.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Hồ Thị P phải chịu 114.437.807 đồng (Một trăm mười bốn triệu, bốn trăm ba mươi bảy ngàn, tám trăm lẻ bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0055400 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, bà Hồ Thị P còn phải nộp thêm số tiền 107.937.807 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn, tám trăm lẻ bảy đồng).

Ông Vương Minh P phải chịu 120.779.434 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bảy trăm bảy mươi chín ngàn, bốn trăm ba mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền nhận bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc